

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Thọ, ngày 14 tháng 08 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên công ty : Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Mã chứng khoán : BSP
Địa chỉ : Khu công nghiệp Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông,
tỉnh Phú Thọ
Điện thoại : 0210.3650.688
Fax : 0210.3650.686
Loại công bố thông tin : 24h Bất thường Định kỳ Khác

Nội dung CBTT:

Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ công bố thông tin về báo cáo tài chính bán niên năm 2019 đã soát xét.

Thông tin này đã được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <http://saigonphutho.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN – PHÚ THỌ

Người được UQ CBTT



Trần Thị Liên



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 29 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Bùi Văn Thiêng
Giám đốc

Tỉnh Phú Thọ, ngày 12 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm và giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2018 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này lần lượt trong báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 1 năm 2019 và báo cáo soát xét ngày 30 tháng 7 năm 2018.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo soát xét số: 19-01-00266-19-1



Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		96.262.089.087	89.568.476.011
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	13.622.016.583	2.396.341.421
Tiền	111		3.622.016.583	2.396.341.421
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.806.715.690	39.198.883.203
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	29.358.274.690	34.839.407.250
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.083.441.000	4.359.475.953
Phải thu ngắn hạn khác	136		365.000.000	-
Hàng tồn kho	140	8	51.130.514.380	47.524.562.355
Tài sản ngắn hạn khác	150		702.842.434	448.689.032
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		702.842.434	448.689.032
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		246.842.205.994	247.327.764.695
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	490.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		-	490.000.000
Tài sản cố định	220		222.748.205.714	236.243.805.531
Tài sản cố định hữu hình	221	9	222.748.205.714	236.243.805.531
Nguyên giá	222		492.610.698.064	486.708.025.314
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(269.862.492.350)	(250.464.219.783)
Tài sản dở dang dài hạn	240		14.106.071.500	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	14.106.071.500	-
Tài sản dài hạn khác	260		9.987.928.780	10.593.959.164
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	9.987.928.780	10.518.209.164
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	75.750.000
TỔNG TÀI SẢN 270 = 100 + 200)	270		343.104.295.081	336.896.240.706

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		116.271.612.719	106.795.212.092
Nợ ngắn hạn	310		98.712.177.929	94.934.442.250
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	20.739.363.645	13.933.834.519
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		304.180.414	197.885.656
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13	42.716.968.152	12.176.132.759
Phải trả người lao động	314		1.053.628.000	1.831.986.350
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.400.009.496	2.231.158.546
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	15.153.303.750	9.456.574.000
Vay ngắn hạn	320	15(a)	14.795.000.000	53.209.664.948
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	2.549.724.472	1.897.205.472
Nợ dài hạn	330		17.559.434.790	11.860.769.842
Vay dài hạn	338	15(b)	17.559.434.790	11.860.769.842
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		226.832.682.362	230.101.028.614
Vốn chủ sở hữu	410	17	226.832.682.362	230.101.028.614
Vốn cổ phần	411	18	125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		23.517.055.477	23.517.055.477
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.315.626.885	81.583.973.137
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		51.387.973.137	56.983.483.481
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		26.927.653.748	24.600.489.656
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		343.104.295.081	336.896.240.706

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trần Bích Thủy
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Bùi Văn Thiêng
 Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng	01	21	280.035.839.075	255.102.279.789
Giá vốn hàng bán	11	22	239.867.837.370	224.040.943.770
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		40.168.001.705	31.061.336.019
Doanh thu hoạt động tài chính	21		176.036.523	164.434.341
Chi phí tài chính	22		1.273.654.179	1.492.459.269
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.273.654.179	1.492.459.269
Chi phí bán hàng	25		2.949.661.623	3.423.515.125
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	6.970.388.159	6.256.057.971
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		29.150.334.267	20.053.737.995
Thu nhập khác	31		42.534.650	49.589.748
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31)	40		42.534.650	49.589.748
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		29.192.868.917	20.103.327.743
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	2.189.465.169	1.660.870.063
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	25	75.750.000	(113.625.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		26.927.653.748	18.556.082.680
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	2.154	1.484

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trần Bích Thủy
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Bùi Văn Thiêng
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	29.192.868.917	20.103.327.743
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	19.398.272.567	18.417.538.590
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(176.036.523)	(87.765.935)
Chi phí lãi vay	06	1.273.654.179	1.492.459.269
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	49.688.759.140	39.925.559.667
Biến động các khoản phải thu	09	7.278.811.103	13.847.470.408
Biến động hàng tồn kho	10	(3.605.952.025)	(12.701.270.541)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	40.384.314.358	(11.497.961.015)
Biến động chi phí trả trước	12	276.126.982	(3.356.307.086)
		94.022.059.558	26.217.491.433
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.335.812.725)	(1.589.459.269)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.808.707.171)	(1.588.114.043)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.147.481.000)	(3.868.996.651)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	86.730.058.662	19.170.921.470
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(17.761.672.773)	(7.764.680.079)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	176.036.523	156.650.379
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.585.636.250)	(7.608.029.700)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019	30/6/2018
Mã	Thuyết	VND	VND
số	minh		

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	159.851.021.215	211.065.912.432
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(192.567.021.215)	(243.335.849.065)
Tiền chi trả cổ tức	36	(25.202.747.250)	(32.493.823.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(57.918.747.250)	(64.763.759.883)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	11.225.675.162	(53.200.868.113)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	2.396.341.421	69.829.073.376
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	13.622.016.583	16.628.205.263

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trần Bích Thủy
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Bùi Văn Thiêng
Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; xuất, nhập khẩu bia, rượu, nước giải khát và các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia, rượu, nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 120 nhân viên (1/1/2019: 120 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 2.450 triệu VND (1/1/2019: 5.366 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 15). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 48 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 12 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(h) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(o) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh rượu và nước giải khát. Trong kỳ, không diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.379.393.582	527.853.225
Tiền gửi ngân hàng	2.242.623.001	1.868.488.196
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	13.622.016.583	2.396.341.421

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 4,4% một năm (1/1/2019: không).



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	29.293.946.000	34.832.174.850
Các khách hàng khác	64.328.690	7.232.400
	29.358.274.690	34.839.407.250

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	29.293.946.000	34.832.174.850

Khoản phải thu từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

8. Hàng tồn kho

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	28.994.852.042	-	29.860.539.932	-
Công cụ và dụng cụ	6.544.369.718	-	6.925.999.337	-
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	10.628.986.429	-	9.174.583.716	-
Thành phẩm	4.962.306.191	-	1.563.439.370	-
	51.130.514.380	-	47.524.562.355	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

D. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	123.230.168.051	353.540.033.734	7.946.335.259	1.991.488.270	486.708.025.314
Tăng trong kỳ	-	5.902.672.750	-	-	5.902.672.750
Số dư cuối kỳ	123.230.168.051	359.442.706.484	7.946.335.259	1.991.488.270	492.610.698.064
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	28.794.072.332	215.603.025.889	5.142.019.584	925.101.978	250.464.219.783
Khấu hao trong kỳ	2.479.580.532	16.438.048.074	360.233.544	120.410.417	19.398.272.567
Số dư cuối kỳ	31.273.652.864	232.041.073.963	5.502.253.128	1.045.512.395	269.862.492.350
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	94.436.095.719	137.937.007.845	2.804.315.675	1.066.386.292	236.243.805.531
Số dư cuối kỳ	91.956.515.187	127.401.632.521	2.444.082.131	945.975.875	222.748.205.714

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 2.310 triệu VND (1/1/2019: 2.275 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 197.784 triệu VND (1/1/2019: 188.646 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Xây dựng cơ bản dở dang

Số dư của xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 phản ánh giá trị xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 như sau:

	30/6/2019
	VND
Bồn lên men	12.072.571.500
Các công trình khác	2.033.500.000
	14.106.071.500

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	4.377.889.933	6.140.319.231	10.518.209.164
Tăng trong kỳ	122.177.804	5.298.171.582	5.420.349.386
Phân bổ trong kỳ	(1.850.000.000)	(4.100.629.770)	(5.950.629.770)
	2.650.067.737	7.337.861.043	9.987.928.780



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	13.218.916.168	7.817.994.932
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh	-	2.064.480.000
Các nhà cung cấp khác	7.520.447.477	4.051.359.587
	20.739.363.645	13.933.834.519

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có Khả năng trả nợ	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	13.218.916.168	7.817.994.932
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	20.460.000	20.119.000

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

13. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.998.124.147	51.121.680.333	(50.321.172.826)	4.798.631.654
Thuế tiêu thụ đặc biệt	7.377.583.489	230.920.969.205	(201.549.794.236)	36.748.758.458
Thuế thu nhập doanh nghiệp	654.236.450	2.189.465.169	(1.808.707.171)	1.034.994.448
Thuế thu nhập cá nhân	146.188.673	1.211.906.724	(1.223.511.805)	134.583.592
	12.176.132.759	285.444.021.431	(254.903.186.038)	42.716.968.152

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.375.500.000	6.594.200.000
Cổ tức phải trả	2.626.375.750	2.829.123.000
Phải trả ngắn hạn khác	151.428.000	33.251.000
	<hr/>	<hr/>
	15.153.303.750	9.456.574.000
	<hr/>	<hr/>

15. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019	Biến động trong kỳ		30/6/2019
	Giá trị ghi sổ/số có	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ/số có
	khả năng trả nợ	VND	VND	khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	46.000.000.000	148.711.021.215	(187.711.021.215)	7.000.000.000
Vay dài hạn				
đến hạn trả	7.209.664.948	5.441.335.052	(4.856.000.000)	7.795.000.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	53.209.664.948	154.152.356.267	(192.567.021.215)	14.795.000.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	30/6/2019	1/1/2019
		năm	VND	VND
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh (*)	VND	6,2%	7.000.000.000	46.000.000.000
			<hr/>	<hr/>

(*) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 100.000 triệu VND.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Vay dài hạn	25.354.434.790	19.070.434.790
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	7.795.000.000	7.209.664.948
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	17.559.434.790	11.860.769.842
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại	Lãi suất	Năm đáo	30/6/2019	1/1/2019
	tiền	năm	hạn	VND	VND
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh (*)	VND	7,7%	2022 - 2023	25.354.434.790	19.070.434.790
				<hr/>	<hr/>

(*) Các khoản vay dài hạn có hạn mức tín dụng là 52.750 triệu VND.

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 197.784 triệu VND (1/1/2019: 188.646 triệu VND) (Thuyết minh 9).

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.897.205.472	1.476.979.230
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	4.800.000.000	3.671.000.000
Sử dụng trong kỳ	(4.147.481.000)	(3.308.324.164)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.549.724.472	1.839.655.066
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	125.000.000.000	23.517.055.477	98.715.155.968	247.232.211.445
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	18.556.082.680	18.556.082.680
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	(3.671.000.000)	(3.671.000.000)
Trích bổ sung quỹ công tác xã hội	-	-	(560.672.487)	(560.672.487)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	(37.500.000.000)	(37.500.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2018	125.000.000.000	23.517.055.477	75.539.566.161	224.056.621.638
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	21.044.406.976	21.044.406.976
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	(12.500.000.000)	(12.500.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	125.000.000.000	23.517.055.477	81.583.973.137	230.101.028.614
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	26.927.653.748	26.927.653.748
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	(4.800.000.000)	(4.800.000.000)
Trích bổ sung quỹ công tác xã hội	-	-	(396.000.000)	(396.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	125.000.000.000	23.517.055.477	78.315.626.885	226.832.682.362

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2019	và 1/1/2019
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	125.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	125.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018.

19. **Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 30 tháng 3 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 37.500 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018, trong đó 12.500 triệu VND đã được ứng trước cho các cổ đông năm 2018 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 37.500 triệu VND, tương đương 3.000 VND/cổ phiếu).

20. **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội Đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	277.626.023.875	252.910.001.502
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	508.546.993.080	463.485.292.350
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(230.920.969.205)	(210.575.290.848)
▪ Doanh thu khác	2.409.815.200	2.192.278.287
	<hr/>	<hr/>
	280.035.839.075	255.102.279.789
	<hr/>	<hr/>

22. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	239.446.586.554	223.709.253.307
▪ Giá vốn khác	421.250.816	331.690.463
	<hr/>	<hr/>
	239.867.837.370	224.040.943.770
	<hr/>	<hr/>

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.404.705.859	2.649.302.040
Thiết bị văn phòng	135.177.670	120.554.059
Chi phí khấu hao	884.201.345	878.835.451
Chi phí dịch vụ mua ngoài	232.841.403	109.062.502
Chi phí quản lý khác	2.313.461.882	2.498.303.919
	<hr/>	<hr/>
	6.970.388.159	6.256.057.971
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	200.383.948.295	191.954.909.124
Chi phí nhân công và nhân viên	9.615.143.857	7.963.278.080
Chi phí khấu hao	19.398.272.567	18.417.538.590
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.958.907.528	13.063.229.769
Chi phí khác	5.274.837.724	3.601.691.829

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	2.189.465.169	1.509.370.063
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	151.500.000
	<u>2.189.465.169</u>	<u>1.660.870.063</u>
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	75.750.000	(113.625.000)
	<u>2.265.215.169</u>	<u>1.547.245.063</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	29.192.868.917	20.103.327.743
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.378.930.338	3.015.499.161
Ưu đãi thuế	(2.189.465.169)	(1.507.749.581)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	75.750.000	(112.004.517)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	151.500.000
	2.265.215.169	1.547.245.063

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm tính từ năm đầu tiên đi vào hoạt động (2011). Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2011 đến 2013) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ 2014 đến 2020).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số ước tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	26.927.653.748	18.556.082.680
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	26.927.653.748	18.556.082.680

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 12.500.000 cổ phiếu.

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	476.111.180.320	433.404.403.750
Mua nguyên vật liệu	174.358.403.021	171.377.227.077
Chia cổ tức	6.757.500.000	10.136.250.000
Công ty TNHH Thương mại Chiêu Xuân		
Bán bia (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	6.800.477.660	12.367.474.850
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân		
Chia cổ tức	1.706.100.000	2.559.150.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	156.550.000	93.000.000
Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên		
Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	344.324.000	351.070.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	33.432.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	497.200.000	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và thù lao	1.247.957.000	1.013.796.500

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được mang sang từ số liệu trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trần Bích Thủy
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Bùi Văn Thiêng
Giám đốc



